

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **An toàn mạng không dây và di động**

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Tổng số thí sinh: 277

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	165	AT180401	Nguyễn Văn	An	8	7	7,7	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
2	326	AT190101	Trịnh Chí	An	8,3	10	8,8	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
3	327	AT190103	Đỗ Hoàng	Anh	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
4	262	AT190203	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
5	328	AT190304	Hoàng Trọng Tài	Anh	8,5	7	8,1	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
6	329	AT190102	Lê Kim Hoàng	Anh	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
7	330	AT190202	Ngô Tuấn	Anh	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
8		AT160503	Nguyễn Đức	Anh	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
9	331	AT190402	Nguyễn Đức	Anh	6	8	6,6	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
10	198	AT190503	Nguyễn Phùng	Anh	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
11	294	AT190302	Nguyễn Trọng	Anh	9,2	9	9,1	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
12	332	AT190301	Nguyễn Văn	Anh	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
13	133	AT190104	Nguyễn Việt	Anh	7	10	7,9	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
14	199	AT190204	Nguyễn Việt	Anh	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
15	134	AT190504	Phạm Đức	Anh	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
16	263	AT190205	Tô Duy	Anh	7	7	7	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
17	333	AT190404	Trần Tuấn	Anh	9	8	8,7	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
18	334	AT190403	Trịnh Hữu Quang	Anh	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
19	200	AT190502	Trương Kỳ	Anh	10	10	10	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
20	230	AT190401	Vũ Tuấn	Anh	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
21	135	AT190306	Phan Đức	Ba	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
22	231	AT190206	Trần Việt	Bách	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
23	201	AT190106	Trần Xuân	Bách	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
24	202	AT190307	Hoàng Quốc	Bảo	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
25	335	AT190405	Nguyễn Khắc	Bảo	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
26	264	AT190305	Nguyễn Văn Gia	Bảo	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
27	336	AT190406	Trần Thị	Bé	9,2	10	9,4	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
28	136	AT190407	Lê Bá	Bình	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
29	100	AT190506	Nông Thái	Bình	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
30	101	AT190508	Nguyễn Cao	Cầu	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
31	265	AT190207	Đỗ Xuân	Chiến	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
32	203	AT190107	Nguyễn Đức	Chiến	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
33	137	AT190308	Dương Quang	Chung	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
34	266	AT190309	Nguyễn Kim	Chương	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
35	204	AT190408	Hoàng Bá	Công	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
36	205	AT190509	Trần Thành	Công	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
37	295	AT190510	Nguyễn Hùng	Cường	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
38	166	AT190108	Trương Quốc	Cường	10	10	10	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
39	167	AT190110	Nguyễn Việt	Dầu	8,3	9	8,5	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
40	168	AT190411	Nguyễn Khắc	Doanh	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
41	169	AT190512	Trần Đăng	Doanh	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
42	232	AT190114	Đàm Chí	Dũng	8,3	8	8,2	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
43	337	AT190314	Nguyễn Duy	Dũng	9,2	9	9,1	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
44	102	AT190514	Nguyễn Đình	Dũng	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
45	138	AT190213	Trần Quang	Dũng	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
46	206	AT190414	Trần Văn	Dũng	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
47	296	AT190215	Đào Trọng	Duy	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
48	207	AT190316	Lê Đức	Duy	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
49	208	AT190116	Nguyễn Đức	Duy	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
50		AT190416	Phạm Đức	Duy	-25	-25	-25	1				Cấm thi; Nợ HP
51	170	AT190515	Bùi Đại	Dương	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
52	209	AT190516	Hoàng Minh	Dương	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
53	210	AT190214	Nguyễn Thiên	Dương	10	10	10	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
54	103	AT190115	Nguyễn Tùng	Dương	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
55	267	AT180210	Vũ Quang	Đạo	8	7	7,7	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
56	233	AT190209	Bùi Thành	Đạt	9	8	8,7	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
57	297	AT190511	Lê Văn	Đạt	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
58	171	AT190410	Phan Tiến	Đạt	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
59	298	AT190109	Lê Minh	Đăng	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
60	299	AT190111	Dương Công	Định	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
61	234	AT190210	Trần Công	Định	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
62	268	AT190311	Hoàng Sỹ	Đoàn	8,5	8	8,4	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
63	338	AT140507	Trần Hữu	Đông	9	8	8,7	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
64	104	AT190312	Đặng Hoàng	Đức	9,2	10	9,4	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
65	172	AT190412	Lê Văn	Đức	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
66	235	AT190112	Nguyễn Đăng	Đức	10	10	10	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
67	173	AT190413	Nguyễn Thế Minh	Đức	9	8	8,7	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
68	339	AT140609	Phạm Minh	Đức	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
69	211	AT190513	Trịnh Minh	Đức	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
70	269	AT190216	Đậu Hương	Giang	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
71	105	AT190517	Nguyễn Đình	Giang	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
72	340	AT190261	Phạm Bảo	Giang	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
73	139	AT190417	Đỗ Hoàng	Giáp	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
74	140	AT190518	Hoàng Bá	Giáp	8	7	7,7	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
75	212	AT190317	Lưu Thế	Giáp	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
76	300	AT190117	Lê Đức	Hà	7	10	7,9	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
77	270	AT190217	Lê Văn	Hà	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
78	174	AT190519	Nguyễn Công Vũ	Hà	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
79	175	AT190418	Nguyễn Đức	Hà	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
80	271	AT190318	Nguyễn Vũ	Hà	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
81	213	AT190118	Đỗ Tiến	Hải	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
82	236	AT190520	Nguyễn Minh	Hải	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
83	141	AT190419	Phạm Việt	Hải	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
84	272	AT190218	Trần Tiến	Hải	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
85	237	AT190119	Bùi Thị	Hằng	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
86		AT190120	Trần Trung	Hậu	8	10	8,6	1				Nợ HP
87		AT190320	Nguyễn Thị	Hiệp	-100	-100	-100	1				Cấm thi
88	238	AT190219	Nguyễn Tuấn	Hiệp	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
89		AT190420	Bùi Minh	Hiếu	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
90	273	AT190321	Bùi Văn	Hiếu	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
91	214	AT190421	Doãn Trung	Hiếu	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
92	106	AT190522	Nguyễn Huy	Hiệu	9	8	8,7	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
93	176	AT190220	Trần Danh Đức	Hiếu	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
94	215	AT190121	Nguyễn Thị Phương	Hoa	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
95		AT141022	Đinh Văn	Hoan	6	7	6,3	1				Nợ HP
96	301	AT190523	Bùi Ngọc Việt	Hoàng	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
97	302	AT190123	Lê Đức	Hoàng	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
98	239	AT190423	Nguyễn Văn	Hoàng	10	10	10	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
99	142	AT190524	Nguyễn Việt	Hoàng	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
100	341	AT190221	Trần Huy	Hoàng	10	7	9,1	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
101	143	AT190222	Trần Việt	Hoàng	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
102	144	AT190122	Vũ Văn	Hoàng	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
103	240	AT190422	Vũ Việt	Hoàng	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
104	107	AT190223	Nguyễn Đức	Hùng	10	10	10	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
105	241	AT190125	Nguyễn Quang	Hùng	6	7	6,3	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
106	177	AT190124	Võ Mạnh	Hùng	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
107	242	AT190326	Lương Quang	Huy	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
108	178	AT190126	Nguyễn Quang	Huy	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
109	243	AT190127	Nguyễn Thế	Huy	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
110	342	AT190527	Trần Quang	Huy	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
111	108	AT190225	Trịnh Quang	Huy	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
112	109	AT180651	Nguyễn Quốc	Hưng	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
113	216	AT190324	Nguyễn Tuấn	Hưng	9,2	10	9,4	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
114	145	AT190224	Nguyễn Việt	Hưng	9	8	8,7	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
115	343	AT190424	Trần Duy	Hưng	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
116	217	AT190525	Cao Bá	Hướng	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
117	303	AT190425	Nguyễn Thị	Hương	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
118	304	AT190526	Nguyễn Thị	Hường	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
119	146	AT190128	Nguyễn Văn	Khải	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
120	244	AT190226	Phạm Đức	Khải	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
121	274	AT190427	Nguyễn Hữu	Khang	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
122	110	AT190327	Trần Hồng	Khang	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
123		AT190428	Hoàng Lê Việt	Khánh	6	8	6,6	1				Nợ HP
124		AT170229	Nguyễn Nam	Khánh	6	7	6,3	1				Nợ HP
125	245	AT190528	Quản Xuân	Khánh	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
126	246	AT190227	Phan Xuân	Khiêm	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
127	147	AT190328	Hoàng Văn	Khôc	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
128	111	AT180426	Trần Minh	Kiên	7	7	7	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
129		AT170726	Vũ Văn	Kiên	-25	-25	-25	1				Cấm thi; Nợ HP
130	148	AT190531	Phan Đức	Lâm	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
131		AT190530	Trương Ngọc	Lâm	10	10	10	1				Nợ HP
132	149	AT190430	Nguyễn Thị	Liêm	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
133	112	AT190129	Cà Thị Ái	Linh	10	10	10	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
134	247	AT190532	Đàm Phương	Linh	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
135	305	AT190431	Lưu Hoàng	Linh	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
136	275	AT190331	Nguyễn Văn Hào	Linh	7	10	7,9	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
137	113	AT190229	Quách Thùy	Linh	8,4	10	8,9	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
138	306	AT190230	Trần Duy	Linh	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
139		AT180430	Hoàng Đức	Long	-25	-25	-25	1				Cấm thi; Nợ HP
140	150	AT190130	Phan Hải	Long	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
141		AT150431	Vũ Hoàng	Long	-100	-100	-100	1				Cấm thi
142	114	AT190131	Phan Đình	Lực	9	8	8,7	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
143	218	AT190231	Đỗ Thị Ngọc	Mai	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
144	179	AT190133	Hà Thị Ngọc	Mai	10	10	10	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
145	151	AT190432	Hoàng Đức	Mạnh	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
146	344	AT190533	Lê Đức	Mạnh	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
147	307	AT190433	Nguyễn Hùng	Mạnh	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
148	152	AT190332	Nguyễn Quý	Mạnh	9,2	10	9,4	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
149	153	AT190333	Nguyễn Văn	Mạnh	7,8	7	7,6	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
150	276	AT190232	Phạm Xuân	Mạnh	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
151	248	AT190334	Bùi Hoàng	Minh	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
152	180	AT190535	Đỗ Thị	Minh	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
153	277	AT190134	Nguyễn Bình	Minh	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
154	278	AT190233	Phạm Quang	Minh	9	8	8,7	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
155	154	AT170235	Trần Công	Minh	8	7	7,7	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
156	279	AT190434	Trần Công	Minh	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
157	181	AT190536	Lã Phương	Nam	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
158	155	AT190335	Nguyễn Huy	Nam	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
159		AT160337	Quách Thành	Nam	-25	-25	-25	1				Cấm thi
160	115	AT190435	Tào Hữu	Nam	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
161		AT170731	Trần Hoài	Nam	-25	-25	-25	1				Cấm thi
162	280	AT190135	Vi Phương	Nam	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
163	116	AT190136	Vũ Thị Thu	Ngân	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
164	182	AT190235	Trần Thị Thuý	Ngân	8,4	10	8,9	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
165	156	AT190236	Lê Quang	Nghĩa	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
166	308	AT190336	Nguyễn Trung	Nghĩa	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
167	117	AT180334	Trần Quốc	Nghĩa	9	8	8,7	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
168	219	AT190337	Nguyễn Thành	Ngọc	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
169	309	AT190537	Bùi Trung	Nguyễn	7	7	7	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
170	249	AT190436	Đỗ Lương	Nguyễn	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
171	345	AT190538	Đào Quang	Nhật	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
172	346	AT190338	Nguyễn Minh	Nhật	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
173	347	AT190437	Trần Minh	Nhật	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
174	118	AT190539	Hoàng Yên	Nhi	10	10	10	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
175	119	AT190138	Nguyễn Thị Lan	Nhi	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
176	281	AT190139	Lương Thị Hồng	Nhung	7	7	7	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
177	348	AT190339	Đào Xuân	Phong	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
178	349	AT190540	Nguyễn Hồng	Phong	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
179	157	AT190438	Nguyễn Ngọc	Phong	9	8	8,7	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
180	310	AT190237	Phạm Tiến	Phong	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
181	183	AT190238	Trần Thanh	Phòng	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
182	250	AT190439	Đỗ Đức	Phú	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
183	282	AT190340	Nguyễn Đức	Phú	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
184	283	AT190541	Đặng Hoàng	Phúc	7	10	7,9	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
185	311	AT190140	Phạm Hữu	Phước	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
186	350	AT190239	Bùi Hữu	Phương	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
187	284	AT190141	Hoàng Thu	Phượng	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
188	184	AT190542	Nguyễn Anh	Phương	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
189	351	AT180538	Trần Xuân	Phương	8	7	7,7	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
190	120	AT190440	Vi Đức	Phương	7	7	7	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
191	158	AT190142	Nguyễn Văn	Quang	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
192	285	AT190242	Nguyễn Việt	Quang	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
193	185	AT190241	Lê Anh	Quân	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
194	220	AT190441	Lê Bảo	Quân	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
195	186	AT190543	Lê Văn	Quân	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
196	251	AT190544	Mai Văn	Quân	10	10	10	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
197	252	AT190442	Nguyễn Hồng	Quân	8,2	10	8,7	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
198	187	AT190240	Nguyễn Hồng	Quân	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
199	312	AT190342	Nguyễn Minh	Quân	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
200		AT160735	Phạm Anh	Quân	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
201	121	AT190243	Tăng Hoàng	Quý	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
202		AT190443	Lê Trọng	Quý	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
203	159	AT190344	Nguyễn Văn Ngọc	Quý	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
204	313	AT190444	Đoàn Văn	Quyên	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
205	122	AT170242	Đỗ Danh	Quyên	7	7	7	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
206	188	AT190545	Nguyễn Thanh	Quyết	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
207	352	AT190345	Đỗ Quang	Sang	9,2	10	9,4	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
208	221	AT190546	Nguyễn Hoàng	Sang	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
209	314	AT190446	Đình Công	Son	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
210	123	AT190244	Nguyễn Trung	Son	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
211	315	AT190143	Nguyễn Văn	Son	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
212	160	AT190445	Nguyễn Văn	Son	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
213	189	AT190144	Tạ Tùng	Son	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
214	124	AT190347	Trịnh Nam	Son	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
215		AT190547	Vũ Hải	Son	10	10	10	1				Nợ HP
216	125	AT190245	Vũ Hồng	Son	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
217	316	AT190145	Lê Ký	Sự	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
218	222	AT190548	Nguyễn Văn	Sự	6	8	6,6	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
219		AT190146	Trần Đức	Tài	-25	-25	-25	1				Cấm thi; Nợ HP
220		AT150249	Linh Ngọc	Thái	8	7	7,7	1				Nợ HP
221	317	AT190148	Lù Văn	Thái	8	7	7,7	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
222	190	AT190349	Hoàng Tiến	Thành	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
223	253	AT190550	Lê Việt	Thành	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
224	318	AT190247	Nguyễn Văn	Thành	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
225	191	AT190351	Nguyễn Duy	Thảo	9,2	10	9,4	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
226	286	AT190549	Hòa Quang	Thăng	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
227	126	AT190447	Lưu Đức	Thăng	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
228	161	AT190246	Nguyễn Chiến	Thăng	10	10	10	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
229	223	AT190348	Nguyễn Đức	Thăng	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
230	287	AT190150	Văn Xuân	Thăng	7,8	9	8,2	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
231	319	AT190149	Thái Hữu	Thân	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
232	254	AT190248	Phạm Tiến	Thiện	8,4	8	8,3	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
233	127	AT190350	Nguyễn Thị	Thoa	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
234	162	AT180445	Nguyễn Đức	Thuy	7,8	9	8,2	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
235	192	AT190249	Hoàng Trọng	Tiến	9	8	8,7	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
236	353	AT190352	Lê Đức	Tiến	9,2	10	9,4	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
237	354	AT190449	Nguyễn Doãn	Tiến	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
238	288	AT190551	Nguyễn Văn	Toàn	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
239	128	AT190450	Phùng Tiến	Toàn	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
240	320	AT190552	Lại Văn	Trà	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
241	255	AT190353	Cao Thị Thuý	Trang	9,2	8	8,8	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
242	193	AT190553	Lê Thị	Trang	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
243	129	AT190451	Cao Mỹ	Trâm	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
244	355	AT190452	Nguyễn Anh	Trung	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
245	289	AT190554	Cao Khánh	Trường	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
246	290	AT190251	Hoàng Lý Đức	Trường	9	8	8,7	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
247	256	AT190453	Mẫn Xuân	Trường	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
248	194	AT190354	Trần Xuân	Trường	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
249	257	AT190250	Vũ Đức	Trường	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
250	258	AT190252	Nguyễn Anh	Tú	8,2	9	8,4	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
251	321	AT190355	Lê Văn	Tuân	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
252	259	AT190356	Nguyễn Anh	Tuấn	9,2	10	9,4	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
253	163	AT190454	Nguyễn Anh	Tuấn	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
254	224	AT190253	Nguyễn Đăng	Tuấn	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
255	322	AT190555	Nguyễn Văn	Tuấn	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
256	323	AT190455	Nguyễn Xuân	Tuệ	10	10	10	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
257	225	AT190556	Đình Văn	Tùng	10	9	9,7	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
258	130	AT190557	Nguyễn Văn	Tùng	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
259	131	AT190155	Phạm Đức	Tùng	9	9	9	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
260	260	AT190457	Phạm Viết	Tùng	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
261	356	AT190357	Phan Văn	Tùng	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
262	291	AT190154	Vũ Quang	Tùng	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
263	132	AT190456	Vũ Xuân	Tùng	8,2	10	8,7	1	05/01/2026	7h30	102.1-TA1	
264	164	AT190157	Nguyễn Hữu	Văn	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	201-TA1	
265	324	AT190256	Nguyễn Đức	Việt	8,4	9	8,6	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
266	261	AT190257	Phạm Long	Việt	8,4	7	8	1	05/01/2026	7h30	302-TA1	
267	226	AT190458	Phan Liên	Việt	8	8	8	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
268	357	AT190159	Bùi Quang	Vinh	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	203-TA1	
269	292	AT190160	Lại Văn	Vinh	8	10	8,6	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
270	227	AT190559	Nguyễn Văn	Vinh	7	10	7,9	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
271	195	AT190459	Nguyễn Văn	Vinh	8,2	9	8,4	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
272	325	AT190560	Đỗ Trường	Vũ	8,5	10	9	1	05/01/2026	7h30	304-TA1	
273	293	AT190258	Nguyễn Tuấn	Vũ	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	303-TA1	
274	228	AT190460	Phạm Long	Vũ	9	10	9,3	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
275	196	AT190360	Phạm Trần Khánh	Vũ	7	8	7,3	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	
276	229	AT190259	Nguyễn Long	Vỹ	8	9	8,3	1	05/01/2026	7h30	301-TA1	
277	197	AT190260	Hoàng Hải	Yến	10	10	10	1	05/01/2026	7h30	202.1-TA1	

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2026
PHÒNG KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **An toàn cơ sở dữ liệu**

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Tổng số thí sinh: 271

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	227	AT200401	Trần Trường	An	9	7	8,4	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
2	320	AT200301	Cao Thị Kiều	Anh	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
3	102	AT200404	Dương Trọng	Ánh	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
4	321	AT200103	Đào Duy Tuấn	Anh	9	8	8,7	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
5	100	AT200203	Đoàn Tuấn	Anh	8,5	10	9	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
6	228	AT200104	Hoàng Việt	Anh	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
7	196	AT200204	Lê Trần Phương	Anh	8,8	10	9,2	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
8	101	AT200302	Lê Việt	Anh	7,5	8	7,7	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
9	229	AT200402	Ngô Hoàng	Anh	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
10	230	AT200201	Nguyễn Văn Hải	Anh	7	8	7,3	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
11	197	AT170104	Phạm Hoàng	Anh	7	5	6,4	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
12	164	AT200403	Phạm Thị Minh	Ánh	8,5	10	9	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
13	289	AT200202	Tăng Thế	Anh	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
14	132	AT200102	Trần Thị Lan	Anh	8,5	8	8,4	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
15		AT200105	Đỗ Việt	Bách	9	9	9	1				Nợ HP
16	165	AT200206	Bùi Đình Nguyên	Bảo	8,8	10	9,2	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
17	103	AT200305	Dương Ngọc	Bảo	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
18	104	AT200306	Đặng Quốc	Bảo	8,5	8	8,4	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
19	231	AT200468	Phạm Gia	Bảo	9	8	8,7	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
20	258	AT200106	Nguyễn Duy	Bằng	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
21	232	AT200406	Hoàng Hiếu	Biết	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
22	166	AT190506	Nông Thái	Bình	7,5	7	7,4	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
23		AT200407	Nguyễn Văn	Cao	8,5	8	8,4	1				Nợ HP
24	322	AT200107	Hoàng Thị Linh	Chi	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
25	106	AT200207	Ngô Đình	Chinh	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
26	105	AT200108	Nguyễn Ngọc	Chinh	9	10	9,3	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
27		AT200208	Bùi Thanh	Chương	7	5	6,4	1				Nợ HP
28	167	AT200408	Đỗ Mạnh	Cường	9	9,5	9,2	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
29		AT200307	Nguyễn Đức	Cường	9,5	10	9,7	1				Nợ HP
30	168	AT200113	Hoàng Thị	Dịu	9,5	9,5	9,5	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
31	133	AT200212	Phan Thị	Dịu	8,5	10	9	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
32	290	AT200214	Nguyễn Đình Huy	Dũng	8,5	10	9	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
33	233	AT200116	Nguyễn Minh	Dũng	7	5	6,4	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
34	234	AT170213	Nguyễn Văn	Dũng	8	5	7,1	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
35	259	AT200115	Trần Quang	Dũng	9	10	9,3	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
36	260	AT200215	Vương Tiến	Dũng	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
37	235	AT200217	Nguyễn Trung	Duy	9	8	8,7	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
38	323	AT200118	Phạm Anh	Duy	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
39	261	AT200316	Bùi Hoàng	Dương	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
40	107	AT200415	Hoàng Hải	Dương	8,5	10	9	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
41		AT200416	Nguyễn Lý	Dương	8,5	5,5	7,6	1				Nợ HP
42	108	AT200315	Phạm Lâm	Dương	8	6	7,4	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
43		AT200117	Quách Tùng	Dương	9,5	9	9,4	1				Nợ HP
44	324	AT200414	Sin Bình	Dương	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
45	325	AT200314	Võ Tùng	Dương	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
46	198	AT200109	Nguyễn Văn	Đáp	10	10	10	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
47	109	AT200309	Đỗ Tiến	Đạt	8	9	8,3	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
48	262	AT200411	Lại Duy	Đạt	10	10	10	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
49		AT200111	Lưu Hoàng	Đạt	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
50	326	AT200210	Nguyễn Quang	Đạt	8,8	9	8,9	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
51	199	AT200209	Nguyễn Tiến	Đạt	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
52	110	AT200310	Nguyễn Tuấn	Đạt	7,5	10	8,3	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
53	200	AT200311	Phạm Tiến	Đạt	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
54	291	AT200110	Phạm Tuấn	Đạt	9	8,5	8,9	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
55	327	AT200410	Vũ Hữu	Đạt	9	7	8,4	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
56	292	AT200308	Hà Duy	Đăng	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
57	263	AT200409	Nguyễn Duy	Đăng	9	8,5	8,9	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
58	236	AT200211	Vũ Duy	Điệp	8,5	10	9	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
59	111	AT200313	Đinh Trung	Đồng	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
60	328	AT200312	Hoàng Tam	Đồng	7,5	8	7,7	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
61	201	AT200213	Nguyễn Hùng	Đông	8,8	9	8,9	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
62	169	AT200412	Bùi Minh	Đức	9	9,5	9,2	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
63	329	AT200114	Đình Trí	Đức	8,5	7,5	8,2	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
64	170	AT200413	Hoàng Minh	Đức	9	9,5	9,2	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
65		AT190113	Nguyễn Gian Anh	Đức	9	7	8,4	1				Nợ HP
66	171	AT180411	Phạm Minh	Đức	6	7,5	6,5	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
67	134	AT200317	Hoàng Thị	Hà	9	9,5	9,2	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
68	135	AT200417	Hà Minh	Hải	8,5	8	8,4	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
69	136	AT200318	Nguyễn Tiến	Hải	9	6	8,1	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
70	172	AT200418	Nguyễn Thị Minh	Hàng	9,5	8	9,1	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
71	330	AT200119	Nguyễn Năng	Hậu	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
72	293	AT200120	Hoàng Thị	Hiên	8,5	8,5	8,5	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
73	264	AT200219	Lê Hồng	Hiệp	7	9	7,6	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
74	173	AT200420	Bùi Minh	Hiếu	9	8	8,7	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
75	237	AT200220	Dương Ngọc	Hiếu	8,8	10	9,2	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
76	238	AT200121	Nguyễn Minh	Hiếu	9	6	8,1	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
77	174	AT200419	Nguyễn Minh	Hiếu	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
78	294	AT200320	Nguyễn Trung	Hiếu	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
79	295	AT200319	Phạm Trung	Hiếu	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
80	296	AT200221	Phạm Văn	Hiếu	9	10	9,3	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
81	265	AT200122	Lê Thị	Hoa	8,5	8	8,4	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
82	202	AT200222	Phạm Xuân	Hòa	9	10	9,3	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
83	239	AT200223	Bùi Việt	Hoàng	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
84	137	AT200421	Lành Huy	Hoàng	8,5	6,5	7,9	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
85	331	AT170522	Nguyễn Minh	Hoàng	7	5	6,4	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
86		AT200123	Phan Đình	Hoàng	9	7,5	8,6	1				Nợ HP
87	240	AT200321	Trần Việt	Hoàng	7,5	9	8	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
88	175	AT200322	Vũ Huy	Hoàng	9,5	9,5	9,5	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
89	241	AT200422	Phạm Xuân	Hồng	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
90	332	AT200423	Hồ Sỹ	Huân	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
91	297	AT200224	Bùi Khắc	Hùng	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
92	138	AT200324	Hoàng Đình Phi	Hùng	9,5	9,5	9,5	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
93	139	AT200225	Lê Mạnh	Hùng	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
94	176	AT200425	Lê Văn	Hùng	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
95	112	AT200325	Nguyễn Mạnh	Hùng	9,5	7	8,8	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
96	140	AT200323	Vũ Đức	Hùng	8	8	8	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
97	333	AT200326	Bùi Quang	Huy	6	9,5	7,1	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
98	266	AT200327	Đoàn Quang	Huy	7,5	8	7,7	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
99	113	AT200426	Hoàng Quang	Huy	8,5	7	8,1	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
100	114	AT200128	Lý Văn	Huy	9	9,5	9,2	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
101	242	AT200126	Nguyễn Quốc	Huy	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
102	203	AT200127	Phạm Văn	Huy	8,5	8,5	8,5	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
103		AT200227	Trần Nhật	Huy	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
104	141	AT200427	Trần Quang	Huy	8,5	8	8,4	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
105	204	AT200328	Nguyễn Thanh	Huyền	9	10	9,3	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
106	142	AT200226	Nguyễn Doãn	Hưng	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
107	177	AT200124	Phùng Văn	Hưng	9	10	9,3	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
108	298	AT200125	Tổng Ngọc	Hưng	6,5	6	6,4	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
109	299	AT180520	Tô Thị Quỳnh	Hương	9	7	8,4	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
110	334	AT200229	Lê Tuấn	Khải	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
111	205	AT200129	Nguyễn Văn	Khải	9,5	8	9,1	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
112	300	AT200130	Vũ Trọng	Khang	9	8,5	8,9	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
113	301	AT200131	Nguyễn Công	Khánh	9	8,5	8,9	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
114		AT170229	Nguyễn Nam	Khánh	8	9	8,3	1				Nợ HP
115	178	AT200429	Nguyễn Ngọc	Khánh	9	10	9,3	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
116	179	AT200430	Nguyễn Văn	Khánh	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
117	335	AT200231	Triệu Duy	Khánh	8	10	8,6	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
118	180	AT200230	Trịnh Ngọc	Khánh	10	9	9,7	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
119	181	AT200330	Vũ Tuấn	Khiên	9	7	8,4	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
120	267	AT200331	Nguyễn Đình	Khoa	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
121	143	AT200431	Chu Việt	Kiên	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
122	115	AT200332	Dương Trung	Kiên	9,5	8	9,1	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
123	302	AT200432	Nguyễn Trung	Kiên	9	7	8,4	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
124	243	AT200132	Phạm Lê Trung	Kiên	7,5	7	7,4	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
125	116	AT200232	Phan Trung	Kiên	8,5	10	9	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
126	117	AT180626	Phù Trung	Kiên	9	5	7,8	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
127		AT170726	Vũ Văn	Kiên	7	5	6,4	1				Nợ HP
128	336	AT200233	Lê Như Tuấn	Kiệt	10	9	9,7	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
129		AT150629	Lê Kim Bá	Lâm	9	7,5	8,6	1				Nợ HP
130	337	AT200333	Sùng Thanh	Lâm	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
131	303	AT200134	Trịnh Hoàng	Lân	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
132	144	AT200136	Bùi Thảo	Linh	9	10	9,3	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
133	206	AT200234	Đỗ Huy	Linh	9	10	9,3	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
134	207	AT200334	Lê Thị Mỹ	Linh	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
135	208	AT200335	Đỗ Quang	Long	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
136	209	AT200236	Nguyễn Hoàng	Long	10	9	9,7	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
137	118	AT200235	Lưu Quang	Lộc	9,5	7	8,8	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
138	210	AT200469	Nguyễn Thành	Luân	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
139	244	AT200336	Nông Quốc	Luân	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
140	211	AT200435	Nguyễn Hữu	Lương	9	8,5	8,9	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
141	182	AT200436	Mạc Quỳnh	Mai	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
142	338	AT200438	Hoàng Hùng	Manh	9	8,5	8,9	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
143	145	AT200337	Hoàng Thế	Manh	7	9	7,6	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
144	146	AT200137	Nguyễn Đức	Manh	8,8	8	8,6	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
145	268	AT200437	Phạm Quang	Manh	9	8	8,7	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
146	212	AT200238	Dương Nhật	Minh	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
147	213	AT200338	Lại Nhật	Minh	9	6	8,1	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
148	245	AT200439	Lê Văn	Minh	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
149	147	AT200339	Nguyễn Nhật	Minh	7,5	10	8,3	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
150		AT200340	Nông Hồng	Minh	9	9	9	1				Nợ HP
151	119	AT200138	Phạm Công	Minh	9	10	9,3	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
152	120	AT170235	Trần Công	Minh	7	5	6,4	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
153	148	AT200239	Đỗ Duy	Mười	10	10	10	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
154	149	AT200139	Nguyễn Phan Thế	Mỹ	5	8	5,9	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
155	269	AT200441	Hà Thế	Nam	9,5	6	8,5	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
156	214	AT200140	Nguyễn Văn	Nam	9	7,5	8,6	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
157	150	AT200341	Phạm Hoài	Nam	7,5	10	8,3	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
158	270	AT170731	Trần Hoài	Nam	8	7	7,7	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
159	271	AT200342	Trần Phương	Nam	8	9	8,3	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
160	272	AT200343	Nguyễn Duy	Nghĩa	5	7	5,6	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
161	151	AT200241	Trần Văn	Nghĩa	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
162	183	AT200242	Trần Tuấn	Ngọc	8,5	10	9	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
163	246	AT200142	Bùi Duy	Nguyễn	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
164	304	AT200141	Nguyễn Đức	Nguyên	8,5	7	8,1	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
165	184	AT200344	Bùi Ngọc	Nhất	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
166	247	AT200243	Đàm Long	Nhất	8	10	8,6	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
167	339	AT200143	Nguyễn Anh	Nhất	9	8,5	8,9	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
168	152	AT200442	Trần Văn	Nhật	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
169	121	AT200443	Nguyễn Trường	Ninh	8	6,5	7,6	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
170	248	AT200444	Lê Hoàng	Phát	8,5	9,5	8,8	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
171	215	AT200445	Vũ Tấn	Phát	9,5	9,5	9,5	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
172	249	AT200244	Nguyễn Gia	Phong	7	7	7	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
173	340	AT200144	Nguyễn Thanh	Phong	9,5	9,5	9,5	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
174	305	AT200145	Nguyễn Tuấn	Phong	9	9,5	9,2	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
175	250	AT200345	Phan Thế	Phong	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
176	306	AT200146	Hồ Đình	Phú	9	9,5	9,2	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
177	341	AT200245	Hồ Đức	Phú	9,5	8	9,1	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
178	185	AT200246	Nguyễn Việt	Phúc	8,5	10	9	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
179	216	AT200346	Bùi Văn	Phước	7,5	10	8,3	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
180	217	AT200447	Đào Thị Minh	Phương	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
181	307	AT200446	Đỗ Nguyên	Phương	9	8	8,7	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
182	122	AT200347	Phạm Thu	Phương	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
183	273	AT200248	Đặng Minh	Quang	8,5	10	9	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
184	123	AT200350	Nguyễn Văn	Quang	9	7	8,4	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
185	308	AT200449	Nguyễn Văn	Quang	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
186	124	AT200148	Trần Minh	Quang	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
187	186	AT200247	Dương Đình	Quân	9,5	9,5	9,5	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
188	187	AT200448	Ngô Huy	Quân	9	7,5	8,6	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
189	274	AT200348	Nguyễn Mạnh	Quân	9,5	8	9,1	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
190	342	AT200147	Triệu Quốc	Quân	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
191	218	AT180540	Đinh Thanh	Quý	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
192	343	AT200249	Phạm Văn	Quý	7	9	7,6	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
193	219	AT200250	Trần Văn	Quyền	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
194	220	AT170542	Nguyễn Kim	Quyết	7	5	6,4	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
195	275	AT200149	Phản Minh	Quyết	9	8	8,7	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
196	310	AT200351	Đỗ Quang	Sáng	9	6	8,1	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
197	188	AT200251	Ngô Văn	Sang	10	10	10	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
198	309	AT200151	Trần Tiến	Sang	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
199	311	AT200352	Đào Công	Son	8	10	8,6	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
200	312	AT200152	Lê Hoàng	Son	9	8,5	8,9	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
201	313	AT200153	Trần Trường	Son	7	5	6,4	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
202	125	AT200450	Trịnh Bá Trường	Son	9	8	8,7	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
203	344	AT200451	Nguyễn Thành	Tài	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
204	189	AT200452	Lê Thị Minh	Tâm	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
205	153	AT200154	Nguyễn Minh	Tân	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
206	251	AT200353	Vũ Duy	Tân	9	8	8,7	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
207	154	AT200453	Vũ Nhật	Tân	9	6	8,1	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
208	126	AT200354	Lê Xuân	Thái	8,3	10	8,8	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
209	190	AT200454	Phạm Phú	Thái	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
210	155	AT200252	Trương Quốc	Thái	9	10	9,3	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
211	314	AT200157	Đặng Công	Thành	9	8	8,7	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
212	276	AT200156	Lê Bá	Thanh	9	8	8,7	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
213	277	AT200254	Nguyễn Văn	Thành	8,5	10	9	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
214	278	AT180244	Nguyễn Xuân	Thành	5	5	5	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
215	252	AT200155	Trần Minh	Thanh	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
216	127	AT200255	Ngô Xuân	Thảo	8	9	8,3	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
217	279	AT140440	Lê Chiến	Thắng	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
218	315	AT190151	Nguyễn Đức	Thắng	9	7,5	8,6	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
219	345	AT200253	Nguyễn Nhật	Thăng	9,3	10	9,5	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
220	280	AT200355	Kim Đình	Thịnh	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
221	191	AT200357	Đặng Thị	Thùy	8	10	8,6	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
222	156	AT200455	Lê Khánh	Thụy	8,5	10	9	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
223	253	AT200356	Đỗ Hồng	Thức	9,5	9,5	9,5	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
224	281	AT200457	Đào Văn	Tiến	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
225	254	AT200456	Đình Hồng	Tiến	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
226		AT200458	Đỗ Phan Trường	Tiến	9	6	8,1	1				Nợ HP
227		AT200159	Lương Ngọc	Toàn	9	9	9	1				Nợ HP
228	282	AT200257	Nguyễn Văn	Toàn	8,5	10	9	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
229	128	AT200158	Nguyễn Việt	Toàn	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
230	221	AT200459	Phan Quốc	Toàn	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
231	283	AT200358	Vũ Thế	Toàn	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
232	192	AT200160	Đỗ Mai Thu	Trang	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
233	157	AT200258	Nguyễn Đức	Trọng	6,5	7	6,7	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
234	193	AT200360	Cao Trần Thành	Trung	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
235	346	AT200361	Đỗ Huy	Trung	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
236	284	AT200359	Đỗ Nguyễn Đức	Trung	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
237	222	AT200460	Nguyễn Đức	Trung	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
238	158	AT200461	Nguyễn Văn	Trung	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
239	316	AT200259	Nguyễn Văn	Trung	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
240	194	AT200260	Nguyễn Hoàng	Trường	7,5	7	7,4	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
241	195	AT200161	Nguyễn Ngô	Trường	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	202.1-TA1	
242	285	AT200362	Trần Văn	Trường	7,5	10	8,3	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
243	129	AT190152	Vũ Đăng	Trường	7	5	6,4	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
244	317	AT180646	Lê Văn	Tú	9	7	8,4	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
245	130	AT200163	Nguyễn Anh	Tú	9	9,5	9,2	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
246	131	AT200162	Nguyễn Minh	Tú	9	9,5	9,2	1	05/01/2026	9h30	102.1-TA1	
247	223	AT200261	Tô Minh	Tú	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
248	347	AT200363	Bùi Quốc	Tuấn	9	9,5	9,2	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
249	348	AT200462	Lê Quốc	Tuấn	9	8	8,7	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
250		AT200463	Tô Văn	Tuấn	8	8,5	8,2	1				Nợ HP
251	286	AT200262	Vũ Đức	Tuấn	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
252	224	AT200263	Ngô Anh	Tuệ	7,5	8	7,7	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
253	349	AT200164	Vũ Đức Thái	Tuệ	8,5	9	8,7	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
254	255	AT200165	Đỗ Đình	Tùng	8	9	8,3	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
255	159	AT200264	Ngân Bá Hoàng	Tùng	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
256	256	AT200364	Nguyễn Việt	Tùng	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
257		AT180150	Nông Thanh	Tùng	7	5	6,4	1				Nợ HP
258	160	AT160656	Phạm Thanh	Tùng	7	5	6,4	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
259	225	AT200365	Đình Thị	Tuyển	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
260	226	AT200466	Đàm Tường	Vân	8,5	7	8,1	1	05/01/2026	9h30	301-TA1	
261		AT200265	Đỗ Anh	Vân	8,5	8	8,4	1				Nợ HP
262		AT200166	Trương Quang	Vân	-100	-100	-100	1				Cấm thi
263	287	AT200465	Lê Vi Hồng	Vân	9,5	9,5	9,5	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
264	257	AT180550	Lưu Quốc	Việt	9	6	8,1	1	05/01/2026	9h30	302-TA1	
265	288	AT200167	Nguyễn Đức	Việt	9	9	9	1	05/01/2026	9h30	303-TA1	
266	350	AT200266	Vũ Quốc	Việt	7,5	8	7,7	1	05/01/2026	9h30	203-TA1	
267	318	AT200467	Mai Đức	Vinh	8	8	8	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
268	161	AT200168	Hoàng Tuấn	Vũ	9	7	8,4	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
269	162	AT200366	Nguyễn Minh	Vũ	9,5	9	9,4	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	
270	319	AT200267	Hoàng Thị Hải	Yến	9,5	10	9,7	1	05/01/2026	9h30	304-TA1	
271	163	AT200367	Nguyễn Thị	Yến	8	9	8,3	1	05/01/2026	9h30	201-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
-----	-----	---------	--------	-----	-----	-----	-----	---------	----------	--------	-------	---------

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2026

PHÒNG KT&ĐBCLĐT